

Bản án số: **136/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 12-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hữu Đoàn.

Ông Huỳnh Hữu Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 6, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-8-2018 và biên bản hòa giải ngày 24-9-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2013, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp dẫn đến ly thân nhau từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay. Nay chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Trần Nhật Q (nam), sinh ngày 16-10-2014; hiện nay chị Đ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000

đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 24-9-2018 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị Đ về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh Đ đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về nuôi con chung: Khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao Trần Nhật Q cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng và anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày 12-10-2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Trần Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013. Tuy chị Đ và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Chị Đ và anh Đ thỏa thuận giao con chung là Trần Nhật Q (nam), sinh ngày 16-10-2014 cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày 12-10-2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là trên tinh thần tự nguyện và không trái với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh Đ thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị Đ. Anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000

đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Trần Văn Đ là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Nhật Q (nam), sinh ngày 16-10-2014 cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Trần Nhật Q mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Anh Trần Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Hồng Đ có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, anh Trần Văn Đ phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Trần Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 31 tháng 8 năm 2018, chị Đào đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0012171 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Anh Trần Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út